

Bản án số: 213/2017/HNGĐ-ST
Ngày 08-12-2017
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiền

Ông Trần Thanh Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 08 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 440/2017/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 367/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng V, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm CN, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp HD, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng V và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau từ năm 2000, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn.

- Về nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh H có hành vi bạo lực gia đình đối với chị V. Nay chị V yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa chị với anh H.

- Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Văn T, sinh năm 2000 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày

21/12/2007. Khi ly hôn, vợ chồng tự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chia tài sản*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản hòa giải ngày 27/11/2017, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Về thời gian chung sống, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn như chị V trình bày là đúng.

Về nguyên nhân mâu thuẫn như chị V trình bày là không đúng. Nay chị V yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với anh, anh H cũng đồng ý.

- *Về nuôi con chung*: Hiện nay cháu T đang đi làm, còn cháu Q đang sống bên ngoại. Khi ly hôn, vợ chồng tự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chia tài sản*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Vụ kiện giữa nguyên đơn chị Nguyễn Hồng V, bị đơn anh Nguyễn Văn H là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng*: Tại phiên hòa giải ngày 27/11/2017, anh Nguyễn Văn H có ý kiến xin từ chối tham gia xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị V về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng*: Vào năm 2000, chị V và anh H chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Như vậy, theo điểm b mục 3 của Nghị Quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình và theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh H không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do đó, chị V và anh H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] *Về nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống, chị V và anh H có 02 người con chung tên Nguyễn Văn T, sinh năm 2000 và Nguyễn Văn Q, sinh

ngày 21/12/2007. Khi ly hôn, chị V và anh H tự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: Đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị V và anh H nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên, trường hợp sau này giữa chị V và anh H có phát sinh tranh chấp về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] *Về chia tài sản và nợ:* Chị V và anh H xác định về chia tài sản vợ chồng tự thỏa thuận, còn về nợ người khác và người khác nợ lại không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: Đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị V và anh H nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này về phần chia tài sản. Tuy nhiên, trường hợp sau này giữa chị V và anh H có phát sinh tranh chấp về chia tài sản mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[6] *Về án phí hôn nhân và gia đình:*

- Anh H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.
- Chị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 35; Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng V.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận chị Nguyễn Hồng V và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:*

- Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;
- Chị Nguyễn Hồng V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ, ngày 06/11/2017 chị V có nộp tiền tạm ứng án phí

300.000đ, biên lai số 0009263 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh